

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN PHI LONG

**BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA NGƯỜI BỊ TẠM GIỮ, BỊ
CAN, BỊ CÁO TRONG LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM
(TRÊN CƠ SỞ SỐ LIỆU THỰC TIỄN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK)**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tổ tụng hình sự
Mã số: 60 38 01 04

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2015

**Công trình được hoàn thành tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Cán bộ hướng dẫn khoa học: PGS.TS. NGUYỄN ĐĂNG DUNG

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2015

Có thể tìm hiểu luận văn tại

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bìa	
Lời cam đoan	
Mục lục	
Danh mục các từ viết tắt	
Danh mục các bảng, biểu đồ	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ VỀ QUYỀN CON NGƯỜI CỦA NGƯỜI BỊ TẠM GIỮ, BỊ CAN, BỊ CÁO	6
1.1. Quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong các điều ước quốc tế và pháp luật của một số nước	6
1.1.1. Quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong các điều ước quốc tế	6
1.1.2. Quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong pháp luật tố tụng hình sự của một số nước	8
1.2. Cơ sở lý luận và pháp lý của việc quy định quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự Việt Nam	16
1.2.1. Quan điểm, chính sách của Đảng về tôn trọng và bảo đảm quyền con người.....	16
1.2.2. Quy định của Hiến pháp.....	18
1.3. Quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo	22
1.3.1. Quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về quyền của người bị tạm giữ	22
1.3.2. Quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về quyền của bị can	24
1.3.3. Quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về quyền của bị cáo	26
1.3.4. Quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo thông qua một số nguyên tắc tố tụng	30
1.3.5. Quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo thông qua quy định về quyền và nghĩa vụ của người bào chữa	34
1.3.6. Quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo thông qua quy định về nghĩa vụ của người tiến hành tố tụng	36
1.3.7. Quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo thông qua quy định về khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự	39

1.3.8.	Quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo thông qua quy định về trách nhiệm bồi thường, trách nhiệm khác.....	40
Chương 2: THỰC TRẠNG BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA NGƯỜI BỊ TẠM GIỮ, BỊ CAN, BỊ CÁO TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM (TRÊN CƠ SỞ SỐ LIỆU THỰC TIỄN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK).....		
2.1.	Khái quát đặc điểm tình hình tỉnh Đắk Lắk và thực trạng bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự từ năm 2009 - 2013.....	43
2.1.1.	Khái quát đặc điểm tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, dân cư tỉnh Đắk Lắk	43
2.1.2.	Thực trạng bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự từ năm 2009 - 2013.....	44
2.2.	Thực trạng áp dụng các quy định của BLTTHS về bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong một số trường hợp cụ thể.....	50
2.3.	Nguyên nhân của những hạn chế trong việc bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự Việt Nam.....	71
2.3.1.	Nguyên nhân từ các quy định của pháp luật	71
2.3.2.	Nguyên nhân từ thực tiễn thực hiện các quy định của pháp luật.....	84
Chương 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN VIỆC BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA NGƯỜI BỊ TẠM GIỮ, BỊ CAN, BỊ CÁO TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM		
3.1.	Kiến nghị về hoàn thiện pháp luật.....	94
3.1.1.	Kiến nghị hoàn thiện các nguyên tắc trong TTHS.....	94
3.1.2.	Kiến nghị hoàn thiện các quy định về quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo.....	95
3.1.3.	Kiến nghị hoàn thiện quy định về quyền, nghĩa vụ của NBC	99
3.1.4.	Kiến nghị sửa đổi bổ sung quy định về những căn cứ và thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn áp dụng biện pháp ngăn chặn.....	102
3.1.5.	Kiến nghị bỏ biện pháp bắt người trong trường hợp khẩn cấp	104
3.1.6.	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung BLTTHS theo hướng rút ngắn thời hạn tạm giam	105
3.1.7.	Kiến nghị cần nâng cao trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam.....	106
3.1.8.	Kiến nghị sớm ban hành Luật tạm giữ, tạm giam.....	107
3.2.	Kiến nghị về tăng cường hiệu quả thực hiện pháp luật	108
KẾT LUẬN		114
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO		117
PHỤ LỤC		124

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Đấu tranh phòng, chống tội phạm là nhiệm vụ quan trọng để bảo vệ chế độ, bảo vệ cuộc sống yên bình cho nhân dân. Trong cuộc đấu tranh với tội phạm, một vấn đề không kém phần quan trọng là việc bảo vệ có hiệu quả quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trong đó có người bị tạm giữ, bị can, bị cáo. Hiến pháp, pháp luật nói chung và pháp luật tố tụng hình sự nói riêng đã có những quy định bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo để quyền và lợi ích của họ không bị xâm hại, hạn chế những hành vi vi phạm pháp luật từ phía các cơ quan và người tiến hành tố tụng. Tuy nhiên, pháp luật về bảo đảm quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo ở nước ta hiện nay vẫn còn một số bất cập, còn những quy định chưa rõ ràng, mâu thuẫn hoặc còn bỏ ngỏ. Trong việc áp dụng pháp luật, có trường hợp nhận thức người tiến hành tố tụng còn khác nhau.

Để nâng cao chất lượng hoạt động tư pháp, Đảng ta đã có những quan điểm chỉ đạo về cải cách tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp, đặc biệt tại Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02-6-2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Bộ chính trị đã xác định mục tiêu là:

Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam XHCN; hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao.

Thực tiễn áp dụng cho thấy trong quá trình giải quyết vụ án hình sự trên toàn lãnh thổ Việt Nam nói chung và trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk nói riêng tình trạng cơ quan, cá nhân có thẩm quyền tiến hành tố tụng xâm phạm đến các quyền con người, đặc biệt là quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo vẫn còn xảy ra. Do đó, việc nhận thức đầy đủ và hoàn thiện các quy định về bảo vệ quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo và thực thi những quy định ấy trên thực tế, kiên quyết xử lí nghiêm khắc các hành vi vi phạm là yêu cầu cấp thiết, góp phần chung vào quá trình xây dựng và phát triển đất nước, là minh chứng quan trọng nhằm bác bỏ mọi luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch cho rằng Việt Nam vi phạm nhân quyền, củng cố lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, góp phần chung vào tiến trình hội nhập và phát triển, xây dựng thành công Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa - Nhà nước của dân, do dân và vì dân.

Những lí do trên đây lập luận cho việc học viên lựa chọn đề tài ***“Bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam (trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk)”***.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Bảo vệ quyền con người trong lĩnh vực tố tụng hình sự nói chung và bảo vệ quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự Việt Nam nói riêng là vấn đề rất nhạy cảm và phức tạp, là nội dung quan trọng luôn nhận được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội. Nghiên cứu vấn đề bảo vệ quyền con người trong lĩnh vực tố tụng hình sự nói chung đã có nhiều công trình, nhiều bài tham luận như : *“Bảo vệ quyền con người trong luật hình sự và luật tố tụng hình sự Việt Nam”* của TS Trần Quang Tiệp; *“Bảo vệ quyền con người bằng pháp luật trong lĩnh vực tư pháp*

hình sự” của GS-TSKH Lê Cẩm; “*Mấy ý kiến về bảo vệ quyền con người trong tố tụng hình sự Việt Nam*” của PGS-TS Phạm Hồng Hải; Khóa luận tốt nghiệp cử nhân luật “*Bảo vệ quyền con người trong tố tụng hình sự Việt Nam*” của tác giả Đinh Duy Minh... Ở góc độ cụ thể hơn, vấn đề đảm bảo quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự Việt Nam hiện nay đã phần nào nhận được sự quan tâm của một số nhà nghiên cứu biểu hiện qua các công trình khoa học sau: Đề tài luận văn Thạc sĩ “*Đảm bảo quyền con người của người bị tạm giữ, bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự*” của tác giả Đoàn Văn Thuận; đề tài luận văn Thạc sĩ “*Bảo đảm quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự Việt Nam*” của tác giả Nguyễn Tiên Đạt; luận án tiến sĩ “*Bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự Việt Nam*” của tác giả Lại Văn Trình, tuy nhiên hiện nay, quy định của Pháp luật tố tụng hình sự và thực tiễn bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo còn nhiều hạn chế. Do đó việc tìm hiểu, nghiên cứu quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam cũng như quá trình áp dụng những quy định ấy để bảo vệ quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam là yêu cầu cấp thiết, mang ý nghĩa khoa học và thực tiễn cao.

3. Mục đích nghiên cứu của đề tài

Qua việc phân tích, đánh giá quy định của pháp luật tố tụng hình sự cũng như thực tiễn áp dụng các quy định liên quan đến vấn đề bảo đảm quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự Việt Nam trong toàn quốc nói chung và trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, học viên đưa ra một số kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện và nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự Việt Nam, thể hiện bản chất dân chủ, tiến bộ của Nhà nước ta.

4. Nhiệm vụ nghiên cứu và giới hạn phạm vi nghiên cứu

Trong đề tài, học viên trung nghiên cứu, làm rõ các vấn đề lý luận chung về người bị tạm giữ, bị can, bị cáo; những quy định của pháp luật tố tụng hình sự về quyền cũng như cơ chế bảo đảm quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo. Luận văn cũng phân tích, đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về quyền và bảo đảm quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo; quá trình tiềm ẩn nhiều khả năng xâm phạm đến quyền con người nói chung và quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo với những biểu hiện đa dạng và phức tạp.

Do phạm vi đề tài rộng, trong phạm vi của luận văn thạc sĩ luật học, học viên giới hạn việc nghiên cứu về bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự Việt Nam (**trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk**), không đi sâu vào nhóm người chưa thành niên.

5. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện luận văn, học viên dựa trên cơ sở nhận thức lý luận về phép biện chứng duy vật, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về quyền con người nhằm phát huy dân chủ, kết hợp việc sử dụng các phương pháp như phương pháp phân tích, so sánh, chứng minh, tổng hợp; phương pháp thống kê; phương pháp điều tra xã hội học để hoàn thành luận văn của mình. Những phương pháp trên được học viên sử dụng tập trung chủ yếu ở chương 2 (*đặc biệt là mục 2.1. Thực trạng bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Đắk*

Lắk; Mục 2.2. Thực tiễn áp dụng các quy định của BLTTHS về bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong một số trường hợp cụ thể; Mục 2.3. Nguyên nhân của những hạn chế trong việc bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong tổ tụng hình sự Việt Nam) để minh chứng, làm sáng tỏ thực tiễn, đánh giá thực trạng bảo đảm quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo xác định những nguyên nhân của những hạn chế để làm cơ sở cho những đề xuất nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam.

Trong quá trình thực hiện đề tài, học viên khảo sát thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan tiến hành tố tụng tại một số huyện, thị xã và thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, nghiên cứu hồ sơ các vụ án hình sự xảy ra tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk làm cơ sở thực tiễn cho việc nghiên cứu.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

Về lý luận: Đề tài góp phần bổ sung và hoàn thiện hơn vấn đề lý luận về quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trên cơ sở đó hoàn thiện quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2003 về quyền và cơ chế bảo đảm quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo giúp cho những nhà thực thi pháp luật có cái nhìn toàn diện, nâng cao hơn nữa hiệu quả bảo đảm quyền con người nói chung và quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự Việt Nam nói riêng.

Về thực tiễn: Luận văn còn có ý nghĩa làm tài liệu tham khảo, phục vụ hoạt động nghiên cứu và học tập. Những đề xuất, kiến nghị của học viên luận văn sẽ cung cấp những luận cứ khoa học phục vụ cho công tác lập pháp và hoạt động thực tiễn áp dụng Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam liên quan đến việc điều tra, truy tố và xét xử ... trong tố tụng hình sự, góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

7. Bố cục luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, luận văn gồm có ba chương với cơ cấu như sau:

Chương 1: Một số vấn đề chung về địa vị pháp lý về quyền con người của người bị giữ, bị can, bị cáo.

Chương 2: Thực trạng bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự Việt Nam (trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk) và nguyên nhân của những hạn chế trong việc bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo.

Chương 3: Một số kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện việc bảo đảm quyền con của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự Việt Nam.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ VỀ QUYỀN CON NGƯỜI CỦA NGƯỜI BỊ TẠM GIỮ, BỊ CAN, BỊ CÁO

1.1. Quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong các điều ước quốc tế và pháp luật của một số nước

1.1.1. Quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong các điều ước quốc tế

Quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo là quyền pháp lý của cá nhân đang ở vào tình thế bất lợi vì họ bị tình nghi là đã thực hiện hành vi phạm tội. Trong TTTHS, họ có thể bị áp dụng một số biện pháp tố tụng ảnh hưởng trực tiếp đến các quyền con người, quyền công dân của họ. Do vậy, các điều ước quốc tế về quyền con người quy định những chuẩn mực tối thiểu đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của họ, các quyền này được áp dụng ở các quốc gia thành viên, không phân biệt chế độ chính trị, trình độ phát triển kinh tế – xã hội. Hệ thống các chuẩn mực tối thiểu về bảo vệ quyền con người nói chung và bảo vệ quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo nói riêng được quy định trong các công ước quốc tế như: Công ước của Liên Hợp Quốc về quyền con người trong lĩnh vực dân sự và chính trị năm 1966 quy định người bị buộc tội và Công Ước Châu Âu về quyền con người 1950 được xem là một phần của pháp luật các nước thuộc Liên Minh Châu Âu.

1.1.2. Quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong pháp luật tố tụng hình sự của một số nước

1.1.2.1. Bộ luật tố tụng hình sự của Cộng Hòa Pháp

BLTTTHS hiện hành của nước Cộng hòa Pháp được ban hành vào ngày 31-02-1957 và có hiệu lực vào năm 1958. Mặc dù không trực tiếp thể hiện khái niệm người bị tạm giữ, bị can, tuy nhiên căn cứ theo quy định pháp luật TTTHS Cộng hòa Pháp thì một người chỉ có thể bị tạm giữ khi có những dấu hiệu cho phép suy đoán họ đã có hành vi hoặc có ý định phạm tội. BLTTTHS Pháp quy định khá chặt chẽ về trình tự thủ tục tiến hành các biện pháp ngăn chặn, các hoạt động điều tra, cũng như các biện pháp hỗ trợ để điều tra có hiệu quả nhưng vẫn đảm bảo mục tiêu bảo vệ một cách tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo.

1.1.2.2. Bộ luật tố tụng hình sự của Cộng Hòa Liên Bang Nga

BLTTTHS Liên Bang Nga, quyền con người được thực sự coi trọng ở chỗ vào thời điểm xuất hiện bên buộc tội một ai đó thì pháp luật cũng dành cho người bị buộc tội những quyền để thực hiện chức năng gỡ tội từ người đại diện của người bị tình nghi là người chưa thành niên và NBC của họ. Thể hiện sự tiến bộ về vấn đề bảo vệ quyền của người bị tình nghi, bị can trong TTTHS của Cộng Hòa Liên Bang Nga.

1.2. Cơ sở lý luận và pháp lý của việc quy định quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự Việt Nam

1.2.1. Quan điểm, chính sách của Đảng về tôn trọng và bảo đảm quyền con người

Quyền con người là một phạm trù đa diện, do đó có nhiều định nghĩa khác nhau. Có thể là một giá trị nhân loại, đồng thời có tính lịch sử hình thành trong cuộc đấu tranh giai cấp và được bổ sung mới qua các thời đại khác nhau. Chỉ thị số 12/CT/TW ngày 12-7-1992 của Ban Bí thư Trung ương Đảng: *“Quyền con người là thành quả của cuộc đấu tranh lâu dài qua các thời đại của nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên thế giới, và cũng là thành quả của cuộc đấu tranh của loài người làm chủ thiên nhiên; qua đó, quyền con người trở thành giá trị chung của nhân loại”*. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng Sản Việt Nam cũng nêu rõ: *“Xây dựng Nhà nước pháp quyền Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân là yêu cầu bức thiết của xã hội; nhà nước phải thể chế hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả quyền công dân, quyền con người”*. Bộ Chính

trị đã ban hành Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02-01-2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới và Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02-6-2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

Các Nghị quyết này đã thể hiện một tư tưởng hoàn toàn mới trong đó định hướng xây dựng một hệ thống tổ tụng hình sự coi trọng việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

1.2.2. Quy định của Hiến pháp

Hiến pháp năm 2013 là sự khẳng định rõ ràng và mạnh mẽ quan điểm nhân quyền nhất quán của Nhà nước Việt Nam. Quan điểm chủ đạo của Đảng và Nhà nước ta là sửa đổi, bổ sung Hiến pháp nhằm tiếp tục phát huy nhân tố con người, thể chế hóa sâu sắc hơn quan điểm về tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ quyền con người như một định hướng mục tiêu của Nhà nước pháp quyền XHCN.

1.3. Quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo

1.3.1. Quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về quyền của người bị tạm giữ

Người bị tạm giữ là người bị tình nghi đã thực hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm. Người bị tạm giữ có quyền: Được biết lý do mình bị tạm giữ; Được giải thích về quyền và nghĩa vụ; Trình bày lời khai; TỰ bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa; Đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; Khiếu nại về quyết định tạm giữ, quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền THTT nếu thấy việc mình bị tạm giữ là sai trái, không có căn cứ pháp luật.

1.3.2. Quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về quyền của bị can

Bị can là người đã bị khởi tố về hình sự. Bị can có các quyền sau đây: Được biết mình bị khởi tố về tội gì; Được giải thích về quyền và nghĩa vụ; Trình bày lời khai; Đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu; Đề nghị thay đổi người THTT, người giám định, người phiên dịch; TỰ bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa; Được nhận quyết định khởi tố, quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn; bản kết luận điều tra; quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ điều tra; quyết định đình chỉ vụ án, tạm đình chỉ vụ án, quyết định truy tố; Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành hoạt động điều tra góp phần làm cho các quyết định, hành vi tố tụng đúng đắn hơn, đồng thời quy định trách nhiệm của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại và thông báo kết quả giải quyết khiếu nại bằng văn bản.

1.3.3. Quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về quyền của bị cáo

Bị cáo là người đã bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử. Bị cáo có các quyền sau đây: Được nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn; quyết định đình chỉ vụ án; bản án, quyết định của Tòa án; các quyết định tố tụng khác theo quy định của Bộ luật TTHS. Bị cáo nhận các quyết định này để chuẩn bị cho việc bào chữa; Tham gia phiên tòa; Được giải thích về quyền và nghĩa vụ; Đề nghị thay đổi người THTT, người giám định, người phiên dịch theo quy định của Bộ luật TTHS; Đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu; TỰ bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa; Trình bày ý kiến, tranh luận tại phiên tòa. Nói lời sau

cùng trước khi nghị án; Kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án; Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền THTT.

1.3.4. Quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo thông qua một số nguyên tắc tố tụng

Các nguyên tắc tố tụng là định hướng quan trọng cho hoạt động thực tế và các quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ cũng như thủ tục tố tụng có liên quan, vì vậy việc ghi nhận những nguyên tắc đề cao sự tôn trọng và bảo đảm quyền của cá nhân trong đó có người bị tạm giữ, bị can, bị cáo là tiền đề pháp lý cần thiết, là sự bảo đảm pháp lý quan trọng đối với việc đảm bảo những quyền cụ thể.

- Nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ nhân phẩm cá nhân, các quyền và tự do của công dân (Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 BLTTHS năm 2003).

- Nguyên tắc không ai bị coi là có tội khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật (Điều 9 và đoạn 2 Điều 10 BLTTHS năm 2003).

- Nguyên tắc xác định sự thật của vụ án (Điều 10 Bộ luật TTHS năm 2003).

- Nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo (Điều 11 BLTTHS năm 2003).

- Nguyên tắc bảo đảm quyền được bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự, quyền lợi của người bị oan (Điều 29 BLTTHS năm 2003), bảo đảm quyền được bồi thường của người bị thiệt hại do cơ quan hoặc người có thẩm quyền THTT hình sự gây ra (Điều 30 BLTTHS năm 2003).

- Nguyên tắc đảm bảo quyền khiếu nại, tố cáo trong TTHS (Điều 31 BLTTHS năm 2003).

1.3.5. Quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo thông qua quy định về quyền và nghĩa vụ của người bào chữa

NBC là người tham gia tố tụng để chứng minh sự vô tội hoặc làm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho người bị buộc tội, giúp họ về mặt pháp lý nhằm bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Sự tham gia của NBC trong tố tụng hình sự đảm bảo cho việc giải quyết vụ án được khách quan, toàn diện, đầy đủ và chính xác.

1.3.6. Quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo thông qua quy định về nghĩa vụ của người tiến hành tố tụng

BLTTHS năm 2003 quy định rõ nghĩa vụ của cơ quan THTT và người THTT trong việc đảm bảo quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo. Những quy định ấy là cơ sở của việc đảm bảo sự giám sát của cơ quan, người bảo vệ pháp luật, giám sát và điều chỉnh hoạt động tố tụng vận hành trong khuôn khổ pháp luật qua đó các quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo được đảm bảo, xử lý các hành vi vi phạm quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo.

1.3.7. Quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo thông qua quy định về khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự

Các quy định về quyền khiếu nại, tố cáo của công dân (bao gồm người bị tạm giữ, bị can, bị cáo) thể hiện sự cho phép người bị tạm giữ, bị can, bị cáo có quyền phản ứng đối với các hành vi, quyết định của cơ quan, người THTT mà họ cho là trái

pháp luật, vi phạm các quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Mặt khác BLTTHS cũng quy định trách nhiệm của cơ quan, người THTT trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo.

1.3.8. Quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo thông qua quy định về trách nhiệm bồi thường, trách nhiệm khác

Trong quá trình THTT, cơ quan THTT, người THTT phải nghiêm chỉnh thực hiện những quy định của pháp luật và phải chịu trách nhiệm về những hành vi, quyết định của mình. Người làm trái pháp luật trong việc bắt, giam, giữ, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chương 2

THỰC TRẠNG BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA NGƯỜI BỊ TẠM GIỮ, BỊ CAN, BỊ CÁO TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM (TRÊN CƠ SỞ SỐ LIỆU THỰC TIỄN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK)

2.1. Khái quát đặc điểm tình hình tỉnh Đắk Lắk và thực trạng bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự từ năm 2009 - 2013

2.1.1. Khái quát đặc điểm tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, dân cư tỉnh Đắk Lắk

Tỉnh Đắk Lắk là một trong 05 tỉnh thuộc vùng Tây Nguyên, Đắk Lắk nằm ở trung tâm vùng Tây Nguyên, đầu nguồn của hệ thống sông Sêrêpôk và một phần của sông Ba, nằm cách Hà Nội 1.410 km và cách thành phố Hồ Chí Minh 350 km. Phía Bắc giáp tỉnh Gia Lai, phía Đông giáp tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa, phía Nam giáp tỉnh Lâm Đồng và Đắk Nông, phía Tây giáp Campuchia. Đây là địa phương có tình hình an ninh, chính trị, trật tự phức tạp, địa bàn rộng và nhiều đồi núi hiểm trở, vùng sâu, vùng xa, dân số đông và nhiều dân tộc sinh sống (gồm 44 dân tộc như: Ê Đê, Ja Rai, Mnông, Thái, Tày, Nùng ...) dẫn đến tình trạng tội phạm xảy ra nhiều. Ngoài ra, hàng năm còn có số đông các đồng bào dân tộc thiểu số từ các tỉnh phía Bắc và Duyên hải miền Trung di cư đến tỉnh Đắk Lắk để sinh cơ lập nghiệp, đồng thời có nhiều đối tượng đã có tiền án, tiền sự hoặc có lệnh truy nã đã tìm vào tỉnh Đắk Lắk để lẩn trốn. Bên cạnh đó bọn phản động Phulrô lưu vong cấu kết với bọn phản động thù địch sống ở nước ngoài, luôn tìm cách kích động lôi kéo những người đồng bào dân tộc ÊĐê tham gia biểu tình, để phá hoại chính sách đại đoàn kết của dân tộc, chống phá đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước ta nhằm mục đích đòi thành lập cái gọi là “Nhà nước Đêga độc lập”. Xuất phát từ tình hình trật tự, an ninh chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk như đã nêu trên. Hàng năm, số lượng các loại án phải giải quyết của các cơ quan THTT tỉnh Đắk Lắk rất nhiều so với các tỉnh trong cả nước và hơn gấp nhiều lần so với 13 tỉnh khác trong khu vực Duyên hải miền trung và Tây Nguyên (trung bình khoảng gần 10.000 vụ án các loại/năm).

2.1.2. Thực trạng bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự từ năm 2009 - 2013

Trong thời gian qua, việc tuân theo các trình tự, thủ tục tố tụng trong giải quyết các vụ án hình sự của các cơ quan THTT trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk việc điều tra, truy tố, xét xử được thực hiện khách quan, chính xác, bảo đảm quyền con người nói chung, quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo nói riêng.

Hoạt động điều tra, việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can có căn cứ; các thời hạn tố tụng nhìn chung được bảo đảm, ít bị vi phạm; kết thúc điều tra đề nghị truy tố đều có cơ sở và được thể hiện như sau: Trong ba năm 2012, 2013 và 6 tháng đầu năm 2014, tỷ lệ người bị bắt, tạm giữ bị chuyển khởi tố bị can luôn chiếm tỷ lệ cao (năm 2012 là 92,1%, năm 2013 là 92,6% và 6 tháng đầu năm 2014 là 88,9%). Số bị can bị ngành VKSND tỉnh Đắk Lắk truy tố ra trước Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Đắk Lắk so với số Cơ quan điều tra đề nghị truy tố cũng chiếm tỷ lệ rất cao (năm 2012 là 98,5%, năm 2013 là 98,7% và 6 tháng đầu năm 2014 là 98,1%).

Hoạt động truy tố của ngành VKSND tỉnh Đắk Lắk cũng được thực hiện theo đúng các quy định của BLTTHS, truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Thực hiện tốt chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong gian đoạn điều tra vụ án hình sự, kịp thời hủy bỏ các quyết định trái pháp luật xâm phạm quyền con người của bị can; trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhiều vụ án do thiếu chứng cứ hoặc do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong điều tra; đình chỉ điều tra đối với nhiều bị can không có tội hoặc miễn trách nhiệm hình sự...

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nhìn chung Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Đắk Lắk đã thực hiện tốt các thủ tục tố tụng, quyền hạn mà BLTTHS quy định. Việc bảo đảm quyền bào chữa, thủ tục tố tụng tại phiên tòa nhìn chung được thực hiện tốt theo đúng quy định của BLTTHS, thể hiện chủ trương cải cách tư pháp theo tinh thần Nghị quyết 08-NQ/TW.

Trong gian đoạn xét hỏi, người tham gia tố tụng, đặc biệt là bị cáo đã được tạo điều kiện để trình bày về các tình tiết của vụ án. Tình trạng dụ cung, mớm cung đã được hạn chế. Trong thực tiễn xét xử các vụ án hình sự, tinh thần tranh tụng tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Đắk Lắk thực hiện tương đối đầy đủ. Theo báo cáo của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về tình hình oan, sai trong việc áp dụng pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự và việc bồi thường thiệt hại cho người bị oan trong hoạt động tố tụng hình sự theo quy định của pháp luật thì từ ngày 01/10/2011 đến ngày 30/9/2014, Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Đắk Lắk đã thụ lý 4.759 vụ 9.452 bị cáo; đã giải quyết 4.729 vụ 9387 bị cáo (xét xử 4.438 vụ 8.588 bị cáo); còn lại 30 vụ 65 bị cáo. Trong số các vụ án Tòa án hai cấp đã giải quyết theo trình tự sơ thẩm thì: Số vụ án Tòa án hai cấp đã giải quyết theo trình tự sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị theo trình tự phúc thẩm là 1.696 vụ, chiếm tỷ lệ 35,86%; Số vụ bị cấp phúc thẩm hủy án để điều tra, xét xử lại là 14 vụ (hủy do sai tội danh là 03 vụ; do chưa đủ căn cứ để kết tội bị cáo là 10 vụ; do bỏ lọt tội phạm, người phạm tội là 01 vụ). Trong đó, Tòa án nhân dân tỉnh bị hủy 2,5 vụ theo kiến nghị của Hội đồng xét xử sơ thẩm; Tòa án nhân dân cấp huyện bị hủy 11,5 vụ. Số bị cáo bị Tòa án cấp phúc thẩm sửa tội danh 09 bị cáo.

Bên cạnh những mặt mà các cơ quan THTT ở tỉnh Đắk Lắk đã đạt được, việc thực hiện các thủ tục tố tụng để bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong giải quyết vụ án hình sự còn có những hạn chế và bất cập.

Bảng 2.1. Tình hình đình chỉ và tuyên không có tội

Năm	Số bị can CQĐT đình chỉ	Số bị can VKS đình chỉ	Số bị cáo TA đình chỉ	Số bị cáo TA tuyên không có tội
2009	124	98	54	12
2010	106	74	36	7
2011	137	121	87	9
2012	149	135	62	13
2013	213	86	35	8
6 tháng đầu năm 2014	62	57	41	4

Nguồn: Báo cáo thống kê của TAND tỉnh Đắk Lắk

Theo bảng thống kê trên, chúng ta thấy mặc dù các vụ án hình sự được giải quyết qua từng gia đoạn tố tụng khác nhau, có sự chế ước lẫn nhau và càng đến gian đoạn tố tụng sau thì càng ít, nhưng số vụ án bị đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án hoặc được Tòa án tuyên không có tội vẫn xảy ra.

Xuất phát từ quy định của BLTTHS nên việc khởi tố vụ án của Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Đắk Lắk thiếu hiệu quả, mặc dù theo quy định của Điều 104 BLTTHS, Tòa án có thẩm quyền khởi tố vụ án mà không có thẩm quyền khởi tố bị can. Tuy nhiên, trong các quyết định khởi tố vụ án đều ghi để điều tra hành vi phạm tội của người cụ thể; tức đã hướng sự buộc tội vào con người cụ thể và không thể hiện được rõ chức năng của Tòa án là xét xử, đồng thời các vụ án mà Tòa án tỉnh và Tòa án cấp huyện khởi tố qua xét xử vụ án hình sự đều được Cơ quan CSĐT hoặc VKSND tỉnh Đắk Lắk đình chỉ.

Trong thời gian qua, chất lượng thực hành quyền công tố của VKS còn những hạn chế nhất định, đồng thời hiệu quả của việc trả hồ sơ điều tra bổ sung của Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Đắk Lắk còn rất thấp. Số vụ án được Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Đắk Lắk trả hồ sơ điều tra bổ sung năm sau luôn cao hơn năm trước (số vụ án Tòa án trả hồ sơ bổ sung năm 2009 là 69 vụ/325 bị cáo, năm 2010 là 87 vụ/466 bị cáo, năm 2011 là 103 vụ/472 bị cáo, năm 2012 là 134 vụ/405 bị cáo, năm 2013 là 146 vụ/319 bị cáo và 6 tháng đầu năm 2014 là 84 vụ/252 bị cáo).

Trong thực tiễn xét xử, đa số các trường hợp khi người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng vắng mặt thì Tòa án vẫn xét xử vụ án. Vì một vài lý do nào đó người tham gia tố tụng không có mặt đã ảnh hưởng rất lớn đến việc điều tra, xác minh sự thật khách quan của vụ án tại phiên tòa và từ đó ảnh hưởng đến phán quyết của Tòa án, đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo.

Trong quá trình xét hỏi tại phiên tòa, HĐXX chưa tạo điều kiện cho người tham gia tố tụng, nhất là bị can, bị cáo trình bày hết ý kiến của mình về các tình tiết của vụ án, vẫn còn những trường hợp mớm cung, dụ cung hoặc tỏ thái độ không vừa lòng khi họ khai báo không theo đúng lời khai tại Cơ quan điều tra.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, chủ tọa phiên tòa chưa phát huy được tinh thần tranh tụng, như hạn chế thời gian trình bày ý kiến của người tham gia tố tụng,

nhất là người bào chữa; chưa hướng dẫn để bị cáo thực hiện việc tranh luận để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; chưa yêu cầu Kiểm sát viên tranh luận đối đáp với tất cả ý kiến của người tham gia tố tụng.

Một số Tòa án cấp huyện còn lúng túng về trình tự tranh luận trong các vụ án được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại. Theo quy định tại khoản 3 Điều 51 BLTTHS thì trong trường hợp vụ án được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại, người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của họ trình bày lời buộc tội tại phiên tòa. Mặc dù Nghị quyết số 03/2004/NQ-HĐTP ngày 02-10-2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn trong trường hợp này người bị hại, đại diện hợp pháp của người bị hại tham gia tranh luận theo trình tự thông thường. Việc hướng dẫn như vậy chưa giải đáp được vướng mắc trong thực tiễn xét xử và quy định thêm khoản 3 Điều 51 BLTTHS để làm gì khi không được áp dụng trong thực tiễn tố tụng.

2.2. Thực trạng áp dụng các quy định của BLTTHS về bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong một số trường hợp cụ thể

- Thứ nhất: Bảo đảm quyền trình bày lời khai

Trong thực tiễn giải quyết các VAHS ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay, một số cán bộ điều tra, KSV, Thẩm phán xem việc trình bày lời khai là nghĩa vụ của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo. Các vụ việc chết nghi can trong quá trình lấy lời khai, gây bức xúc cho gia đình nạn nhân, như vụ án Lê Viết Hùng đánh chết ông Nguyễn Hữu Thâu (43 tuổi, ngụ thôn Xuân Tây, xã Phú Xuân, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk).

Quá trình làm nhiệm vụ, một số chiến sĩ công an đã bị xử lý kỉ luật, khởi tố, truy tố và xét xử do dùng nhục hình, đánh đập đối với người bị tạm giữ, bị can trong quá trình điều tra, như trường hợp của cảnh sát nghĩa vụ Nguyễn Duy Tiến (công tác tại nhà tạm giữ Công an thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk) đã dùng roi đánh vào mông, đùi, và dùng chân đạp vào ngực bị can Nguyễn Văn Tùng, (sinh năm 1994, trú tại trú thôn 1, xã Tân Lập, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk).

Việc chứng minh bị bức cung, dùng nhục hình là vô cùng khó khăn, đa phần chỉ trừ những trường hợp nạn nhân bị chết thì việc bức cung, dùng nhục hình bị phát hiện mới bị xử lý. Vụ án Trần Thọ Đức bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk truy tố về tội “*Vi phạm quy định về điều khiển giao thông đường bộ*”. Vụ án vi phạm thủ tục tố tụng, kéo dài 05 năm.

- Thứ hai: Bảo đảm quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa

Việc đảm bảo quyền tự bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo tại Đắk Lắk còn nhiều hạn chế. Việc tạo điều kiện cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo chưa đạt kết quả tốt một mặt bởi đa số người bị tạm giữ, bị can, bị cáo đang trong tình trạng bị hạn chế quyền tự do thân thể, quyền đi lại vì đang bị tạm giữ, tạm giam do đó việc thu thập đồ vật, tài liệu, đưa ra các chứng cứ còn chưa phát huy tác dụng.

- Thứ ba: Bảo đảm quyền đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo

Một số cơ quan THTT và người THTT chưa thấy hết tầm quan trọng của việc bảo đảm thực hiện đúng quyền này, dẫn đến xảy ra một số hạn chế khi tiến hành công vụ như không kiểm tra, xem xét thật khách quan những chứng cứ hay yêu cầu mà người bị tạm giữ, bị can, bị cáo đưa ra, mà thường là vội vàng bác bỏ khi thấy không phù hợp với hướng điều tra của mình.

- Thứ tư: Bảo đảm quyền được đọc, ghi chép, sao chụp hồ sơ vụ án

Người THTT thường xem nhẹ những gì LS thu thập là thực trạng khá phổ biến trong tiến trình TTHS hiện nay. Các tài liệu do LS thu thập được và cung cấp cho các cơ quan THTT hầu như không được tiếp nhận bằng văn bản, thường chỉ khi ra tòa, LS đề nghị đưa tài liệu vào hồ sơ mới được Tòa án chấp nhận.

- Thứ năm: Bảo đảm quyền khiếu nại về quyết định tạm giữ, quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền THTT nếu thấy việc mình bị tạm giữ, tạm giam, bị cáo là sai trái, không có căn cứ pháp luật

Việc đảm bảo quyền khiếu nại của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo là một trong cơ sở để đảm bảo các quyền khác của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo. Nhìn chung, trên thực tế, đa số những người bị tạm giữ, bị can, bị cáo hoặc thân nhân, NBC của họ thực hiện quyền này chủ yếu gửi hồ sơ khiếu nại đến VKS và một phần việc khiếu nại đã đạt được kết quả thông qua những kiến nghị, những quyết định hủy, trả hồ sơ... của VKS.

- Thứ sáu: Bảo đảm quyền được bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản

Thực tiễn tố tụng, trong những năm gần đây bắt, giam, giữ là vấn đề thu hút sự chú ý của nhiều cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, và đông đảo quần chúng nhân dân. Việc bắt người tùy tiện, bắt oan người không có tội, tạm giữ, tạm giam người không có Lệnh đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

+ **Tình hình tạm giữ người:** Tỷ lệ khởi tố các vụ án hình sự tại tỉnh Đắk Lắk trong các năm tăng dần, năm 2009 là 2.813 đến năm 2012 là 4.197 người tăng thêm 1.384 người. Việc khởi tố VAHS tăng cũng đồng nghĩa với số người bị tạm giữ tăng, trong khi đó việc quá tải ở nhà tạm giữ, việc xử lý hành chính và tạm giữ tố tụng còn lẫn lộn nên không phân hóa được đối tượng tạm giữ. Có trường hợp tạm giữ người chưa thành niên cùng với đối tượng đã thành niên. Việc tạm giữ tập trung vào một phòng sẽ gây ra tình trạng mất vệ sinh, an toàn phòng cháy chữa cháy; không đảm bảo và làm ảnh hưởng đến sức khỏe người tạm giữ.

+ **Tình hình tạm giam người:** Ngày 19-3-2015, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã họp cho ý kiến về dự thảo báo cáo của đoàn giám sát tình hình oan, sai trong việc áp dụng pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự và việc bồi thường thiệt hại cho người bị oan trong hoạt động tố tụng hình sự theo quy định của pháp luật. Trình bày báo cáo của Bộ Công an tại phiên họp, Trung tướng Trần Trọng Lượng cho biết từ năm 2012 - 2014, số người bị bắt, tạm giữ hình sự là trên 200.000. Trong đó, từ ngày 01-10-2011 đến ngày 30-9-2014, đã xảy ra 226 phạm nhân chết tại nhà tạm giữ, trại tạm giam. Nguyên nhân chủ yếu của các trường hợp tử vong này theo Bộ Công an là do bệnh lý và do người bị tạm giữ, tạm giam tự sát.

Tình trạng quá tải, xuống cấp ở Nhà tạm giữ, Trại tạm giam gây khó khăn cho công tác đảm bảo quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo là thực trạng đáng báo động ở nhiều địa phương. Hiện nay hầu hết các Trại tạm giam và Nhà tạm giữ trên địa bàn huyện và tỉnh Đắk Lắk đều đang trong tình trạng xuống cấp hoặc quá tải nghiêm trọng, cụ thể như: Trại tạm giam Công an tỉnh hiện hữu là 1.500 chỗ giam giữ nhưng hiện nay số lượng giam giữ 1.613 người; Huyện Krông Búk mới thành lập nên chưa có nhà tạm giữ, tạm giam bị can nên Công an huyện Krông Búk đang gửi nhờ bị can tại Nhà tạm giữ công an thị xã Buôn Hồ dẫn đến quá tải. Nhà tạm giữ

Công an thành phố thành phố Buôn Ma Thuột xây dựng từ năm 1998 với 300 chỗ, nhưng lưu lượng giam giữ bình quân từ 500 đến 600 người ...

- Thứ bảy: Bảo bảo quyền được bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự, quyền lợi của người bị oan và quyền được bồi thường của người bị thiệt hại do cơ quan hoặc người có thẩm quyền THTT hình sự gây ra

Hiện nay, cả nước nói chung và tỉnh Đắk Lắk nói riêng tình trạng oan, sai vẫn còn xảy ra, nhiều trường hợp, việc bồi thường tuy không khắc phục được toàn bộ những hậu quả đáng tiếc xảy ra tuy nhiên phần nào cũng bù đắp được sự vất vả, những thiệt hại mà người bị oan sai phải gánh chịu. Việc bồi thường oan sai trong TTHTS chỉ là một trong những phương cách bù đắp phần nào những thiệt hại vô cùng to lớn mà nạn nhân phải gánh chịu trong tiến trình tố tụng chứ không thể xóa đi hoàn toàn những ám ảnh, mặc cảm trong suốt quãng đời còn lại của họ.

2.3. Nguyên nhân của những hạn chế trong việc bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự Việt Nam

2.3.1. Nguyên nhân từ các quy định của pháp luật

- Liên quan đến nguyên tắc trong TTHTS

BLTTHS 2003 chưa chính thức ghi nhận nguyên tắc suy đoán vô tội, nên trong thực tế quá trình giải quyết vụ án, vẫn còn tình trạng ĐTV còn mang tư tưởng định hướng “*có tội*” ngay từ khi khởi động tiến trình giải quyết vụ án và tình trạng định hướng đi tìm “*chứng cứ có tội*” mà quên rằng bản thân người bị tạm giữ, bị can, bị cáo là người chưa có tội, chưa chính thức bị kết tội bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền là Tòa án bằng bản án kết tội đã có hiệu lực pháp luật.

- Liên quan đến thiếu sót, hạn chế trong quy định về quyền và bảo đảm thực hiện quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo

+ *Quy định về quyền từ chối NBC*: Việc không phân biệt quyền từ chối NBC của hai nhóm đối tượng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 57 BLTTHS 2003 là sự không chặt chẽ về mặt lý luận. Đối tượng được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 57 BLTTHS 2003 hoàn toàn khác với đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 57 BLTTHS 2003.

+ *Quy định về bảo đảm thực hiện quyền nhờ người khác bào chữa*: Theo điểm c khoản 1 Điều 4 Thông tư số 70/2011/BCA ngày 10-10-2011 của Bộ Công An về quy định chi tiết thi hành các quy định của BLTTHS liên quan đến việc bảo đảm quyền bào chữa trong giai đoạn điều tra VAHS thì: trường hợp người bị tạm giữ, tạm giam, nhờ đích danh LS thì trong vòng 24 giờ từ khi viết giấy, CQĐT có trách nhiệm gửi giấy yêu cầu LS của người bị tạm giữ, tạm giam mà họ nhờ bào chữa bằng thư bảo đảm hoặc chuyển phát nhanh. Trên thực tế, rất ít người đang bị tạm giữ, tạm giam có thể biết tên một LS mà họ cần nhờ là gì, địa chỉ cụ thể ở đâu để nhờ đích danh LS. Thông tư 70/2011/BCA không có quy định đối với trường hợp này thì CQĐT sẽ làm gì để bảo đảm quyền nhờ NBC của họ.

- Quy định về quyền, nghĩa vụ của NBC

Trên tổng thể quyền của LS của nước ta hiện nay tương đối rộng, tuy nhiên, vẫn tồn tại một số quan điểm là quyền bào chữa của LS Việt Nam đang bị hạn chế là do luật chưa có những chế tài đủ mạnh bảo đảm các quy định của pháp luật về hoạt động hành nghề của LS phải được các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền tố tụng tôn trọng, mặt khác vai trò của VKS còn yếu. Trong trường hợp nếu thấy có sự vi phạm

về quyền bào chữa của LS thì VKS phải can thiệp, yêu cầu CQĐT nghiêm túc thực hiện các qui định của pháp luật. Hơn nữa, các qui định cho LS hoạt động còn nhiều điểm chung chung dẫn đến việc thực hiện cũng được, không thực hiện cũng không sao, do vậy các LS khi liên hệ làm việc với các cơ quan tố tụng hay bị gây khó dễ.

- Quy định về nghĩa vụ của cơ quan, người THTT

Qua so sánh các điều luật trong BLTTHS quy định về nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng liên quan tới bị can, bị cáo với các điều luật quy định về nghĩa vụ của những người THTT thì thấy hoàn toàn trái ngược nhau. Các quy định về nghĩa vụ của người tham gia tố tụng rất chi tiết còn các quy định về nghĩa vụ của người THTT và cơ quan THTT thì còn quá chung chung, khó thực hiện trong thực tế.

- Quy định về Biện pháp ngăn chặn

+ Về hình thức lập pháp theo quy định tại Điều 80 BLTTHS đối với trường hợp bắt bị can, bị cáo để tạm giam chưa quy định căn cứ bắt cho trường hợp này và những trường hợp không bắt tạm giam. Đối chiếu với quy định về các trường hợp bắt khác quy định như vậy là chưa thống nhất.

+ Quy định về thời hạn tạm giữ theo Điều 80 BLTTHS năm 2003, còn một số vướng mắc khi áp dụng như sau:

- *Một là*, theo quy định tại khoản 1 Điều 87 BLTTHS, thời hạn tạm giữ không được quá 3 ngày kể từ ngày CQĐT nhận người bị bắt. Có nghĩa là thời hạn tạm giữ được tính từ thời điểm CQĐT nhận người bị bắt mà theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 81 BLTTHS thì người chỉ huy tàu bay, tàu biển khi tàu bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay, bến cảng mới có quyền ra lệnh bắt trong trường hợp khẩn cấp và có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ theo khoản 2 Điều 86 BLTTHS. Trong trường hợp tàu bay thì có thể về kịp thời hạn để giao cho CQĐT nhưng trong một số trường hợp tàu biển khó có thể về kịp thời hạn để giao cho CQĐT thì thời hạn tạm giữ được tính với người bị bắt như thế nào, về vấn đề này pháp luật vẫn chưa quy định cụ thể.

- *Hai là*, cũng theo quy định tại khoản 1 Điều 87 BLTTHS, thời hạn tạm giữ được tính từ khi CQĐT nhận người bị bắt mà theo quy định tại khoản 1 Điều 86 BLTTHS, tạm giữ có thể áp dụng đối với người phạm tội tự thú hoặc đầu thú và như chúng ta đã biết, người phạm tội tự thú, đầu thú không phải là người phạm tội bị bắt mà họ tự nguyện ra trình diện, khai báo hành vi phạm tội. Họ không phải là người bị bắt. Vậy, thời hạn tạm giữ đối với họ được tính từ thời điểm nào? pháp luật chưa quy định cụ thể.

- *Ba là*, theo khoản 1 Điều 87 BLTTHS quy định thời hạn tạm giữ không được quá 3 ngày tuy nhiên theo quy định tại khoản 3 Điều 80 BLTTHS thì khi bắt bị can, bị cáo để tạm giam không được bắt người vào ban đêm trừ trường hợp khẩn cấp, phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã được quy định tại Điều 81, 82 của Bộ luật này. Có nghĩa là, đối với trường hợp bắt bị can, bị cáo để tạm giam, pháp luật cũng quy định cụ thể về thời gian ngày và đêm. Còn đối với quy định thời hạn tạm giữ thì không được quá 3 ngày.

- *Bốn là*, khoản 2 Điều 87 BLTTHS có quy định: “*Trong trường hợp đặc biệt, người ra quyết định tạm giữ lần 2 nhưng không quá 3 ngày*”, vậy “*trường hợp đặc biệt*” trong điều luật là những trường hợp nào? mức độ cụ thể ra sao? pháp luật cũng chưa rõ ràng và cụ thể, có thể dẫn tới sự áp dụng không thống nhất quy định này trong việc gia hạn tạm giữ.

- Quy định về các hoạt động điều tra

Tại các điều luật trong Chương XIII BLTTHS năm 2003 quy định về khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, thực nghiệm điều tra, giám định không có các quy định về sự có mặt của bị can, bị cáo hoặc chỉ có các quy định tùy nghi của pháp luật về quyền năng tố tụng nói trên của bị can, bị cáo. Với quy định này, pháp luật đã không đảm bảo nguyên tắc đảm bảo quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo.

Mối quan hệ giữa VKS với CQĐT là quan hệ phối hợp và chế ước. VKS có vai trò và trách nhiệm quan trọng trong quá trình điều tra. Tuy nhiên, cơ chế để bảo đảm quan hệ phối hợp và chế ước này chưa được quy định chặt chẽ, nhiều yêu cầu của VKS chưa được CQĐT thực hiện, song lại không có biện pháp chế tài để xử lý. Thực tế này dẫn đến tình trạng trả hồ sơ giữa các cơ quan tố tụng, kéo dài thời hạn tố tụng, ảnh hưởng đến việc thực hiện mục tiêu chống oan, chống lọt tội phạm trong TTHS.

Việc quá nhấn mạnh phương pháp điều tra, đặc biệt với việc tiếp tục ghi nhận một cách đậm nét phương pháp tố tụng này tại giai đoạn xét xử thông qua việc quy định Hội đồng xét xử là người hỏi chính, hỏi đầu tiên và hỏi về toàn bộ các vấn đề trong vụ án đã dẫn đến sự thụ động của KSV trong chứng minh quan điểm buộc tội của mình, hạn chế một cách căn bản tính tích cực của bên bào chữa trong việc lập luận các chứng cứ gỡ tội, phản bác quan điểm của bên buộc tội; hạn chế sự cò sát giữa chứng cứ, lập luận của bên buộc tội và bên bào chữa.

2.3.2. Nguyên nhân từ thực tiễn thực hiện các quy định của pháp luật

- Nguyên nhân của tình trạng người bị tạm giữ, bị can, bị cáo không nhờ người khác bào chữa cho mình rất đa dạng

+ *Thứ nhất*, nhân dân ta chưa có thói quen nhờ NBC và chưa thấy rõ được vai trò của NBC trong các VAHS.

+ *Thứ hai*, nhiều người biết nhưng lại không có tiền hoặc sợ tốn kém nên không mời NBC.

+ *Thứ ba*, trình độ hiểu biết pháp luật của một số người bị tạm giữ, bị can, bị cáo hiện nay là quá thấp nên mặc dù được cơ quan THTT giải thích nhưng họ vẫn không hiểu. Ngược lại, có trường hợp bị can, bị cáo không được cơ quan THTT giải thích một cách rõ ràng và do vậy bị can, bị cáo không biết mình có quyền nhờ NBC và sử dụng nó như là công cụ hữu hiệu để bảo vệ quyền lợi cho mình.

- Nguyên nhân của những bất cập trong hoạt động của NBC

+ Quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo không được thực hiện tốt còn do nguyên nhân là trình độ chuyên môn cũng như hoạt động tác nghiệp của NBC.

+ Quyền bào chữa gắn chặt với chức năng gỡ tội, có mối quan hệ mật thiết, hữu cơ với chức năng buộc tội và xét xử trong TTHS. Song trên thực tế, việc khởi tố, điều tra và đề nghị truy tố đều do CQĐT được nắm quyền chủ động, VKS phần lớn lại chỉ thụ động chờ vào kết luận điều tra để thực hiện quyền truy tố.

+ Hạn chế quyền hành nghề của LS một phần từ những qui định trong BLTTHS 2003 và một phần còn do quan niệm của các ĐTV về sự tham gia tố tụng của NBC sẽ gây khó khăn cho quá trình điều tra.

+ Đội ngũ LS còn thiếu và yếu về kỹ năng, phân bố chưa đồng đều: Tính đến đầu năm 2012, cả nước khoảng hơn 7.300 LS trong khi đó, tỷ lệ LS phân bố không

đều giữa các thành phố lớn và nông thôn, miền núi. Dù vậy, khu vực hành nghề của LS phân bố chưa đồng đều, chủ yếu tập trung ở các thành phố lớn, số lượng còn thấp so với nhu cầu của xã hội (chỉ có khoảng 20% VAHS có sự tham gia của LS).

Tại báo cáo tổng kết công tác nhiệm kỳ 2009 – 2013 của Đoàn luật sư Đắk Lắk, thể hiện: Trong nhiệm kỳ VI, Đoàn đã kết nạp thêm 37 luật sư, thành lập thêm 16 Tổ chức hành nghề luật sư, tham gia tranh tụng 3.645 vụ án các loại (trong đó án hình sự 2.477 vụ), Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk có 22 văn phòng luật sư với 55 luật sư thành viên. Tính đến năm 2013, dân số toàn tỉnh Đắk Lắk đạt gần 1.771.800 người. Như vậy, tại tỉnh Đắk Lắk tỉ lệ LS là 1 LS/32.214 người chiếm số lượng quá ít so với bình quân dân số tại địa phương.

- Nguyên nhân của những thiếu sót trong việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam, các hoạt động điều tra

+ Do nhận thức của các cơ quan THTT, đơn vị và những người có trách nhiệm, quyền hạn trong việc bắt, ra lệnh tạm giữ, tạm giam, người áp dụng thi hành lệnh tạm giữ, tạm giam còn có những hạn chế.

+ Trình độ cán bộ công tác tạm giữ, tạm giam không đều, nhiều cán bộ công an trực tiếp làm công tác tạm giữ, tạm giam, ĐTV không nắm vững, không đầy đủ kiến thức cần thiết. Do vậy, các quy định về tạm giữ, tạm giam không được chấp hành một cách triệt để.

+ Công tác kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại các nơi tạm giữ, tạm giam ở nhiều địa phương không được tiến hành một cách thường xuyên và đều khắp. Vì vậy, các vi phạm chưa được khắc phục kịp thời, cho nên VKS chưa phát huy được hết vai trò, trách nhiệm của mình trong công tác tạm giam. Điều kiện cơ sở vật chất không được đảm bảo.

+ Cơ sở vật chất, trình độ khoa học kỹ thuật còn hạn chế đã phần nào làm giảm hiệu quả của việc đảm bảo quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo.

+ Đội ngũ ĐTV, KSV, Thẩm phán chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Đội ngũ LS còn hạn chế về số lượng, chưa chuyên nghiệp. Vấn đề đặt ra trước mắt cũng như lâu dài là cơ quan THTT và các LS cần có các giải pháp quyết liệt để củng cố số lượng, tăng cường chất lượng.

+ Trong thực tế khi tiến hành các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan, cán bộ THTT đa số giữ cái nhìn thiếu thiện cảm, không đảm bảo các quy định của pháp luật được thực thi, có khi còn tạo ra các trở ngại để hạn chế việc hành nghề của LS, vi phạm quyền con người của chủ thể được LS bảo vệ cũng như pháp chế xã hội chủ nghĩa.

- Nguyên nhân làm phát sinh những tồn tại trong hoạt động của VKS liên quan đến bắt người, tạm giữ, tạm giam

Do lực lượng nhân sự của ngành kiểm sát còn thiếu, trình độ một số KSV còn yếu. Theo báo cáo tổng kết năm 2012 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm 2013, ngành Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk có hơn 200 cán bộ, Kiểm sát viên, Chuyên viên, Cán sự và nhân viên. Số cán bộ làm công tác nghiệp vụ có trình độ đại học là 154/192 người = 80,2%; Trong đó số lượng KSV toàn ngành là 153 người (KSV trung cấp: 55 người; KSV sơ cấp: 98 người). Nhìn chung, biên chế KSV, Thẩm phán của ngành VKS tỉnh Đắk Lắk và Tòa án nhân dân hai cấp của tỉnh Đắk Lắk thì

hạn chế và không đảm bảo về số lượng để giải quyết các vụ án (248 Thẩm phán/9.119 vụ án).

+ Quy định về chính sách đãi ngộ đối với cán bộ làm công tác kiểm sát bắt, giam, giữ còn chưa thỏa đáng, điều này cũng ảnh hưởng đến chất lượng trong hoạt động kiểm sát của VKS nhân dân.

+ Theo quy định, VKS có quyền và trách nhiệm kiểm sát từ đầu các vụ án nhưng hiện nay tối đa cũng chỉ khoảng 40% các vụ việc được VKS kiểm sát điều tra từ đầu. VKS đang rất thụ động trong quá trình điều tra. Do đó đã tồn tại một thực tế nhiều căn cứ, quyết định của VKS hoàn toàn dựa vào việc thu thập tài liệu, chứng cứ của CQĐT mà không có những bảo đảm để xác định được là việc thu thập chứng cứ đó có đầy đủ, có đúng trình tự pháp luật hay không.

+ Một vấn đề cần đặt ra là ai giám sát quá trình thực thi chức trách của VKS? Thực tế nhiều vụ án VKS để quá thời hạn điều tra rất dài nhưng suốt quá trình tố tụng đó không ai đôn đốc, giám sát. Việc giám sát của HĐND thường kỳ cũng chỉ thực hiện trên cơ sở những báo cáo làm được của VKS, chứ có khi nào giám sát được những việc chưa làm được, chưa báo cáo.

Chương 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN VIỆC BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA NGƯỜI BỊ TẠM GIỮ, BỊ CAN, BỊ CÁO TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

3.1. Kiến nghị về hoàn thiện pháp luật

3.1.1. Kiến nghị hoàn thiện các nguyên tắc trong TTHS

+ *Chính thức ghi nhận nguyên tắc suy đoán vô tội*: BLTTHS Việt Nam nên chính thức ghi nhận nguyên tắc Suy đoán vô tội, theo đó, tại Điều 9 của BLTTHS hiện hành cần xác định lại tên gọi là “*Suy đoán vô tội*”. Việc ghi nhận nguyên tắc này nhằm chống lại sự kết tội chủ quan, duy ý chí của cơ quan tố tụng đồng thời thể hiện sự tôn trọng, thực hiện tinh thần của các Điều ước quốc tế mà nước ta tham gia.

+ *Ghi nhận nguyên tắc tranh tụng trong BLTTHS với nội dung*: Nhằm bảo đảm cho các nguyên tắc khác được thực hiện như bảo đảm quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can; bị cáo, bảo đảm sự vô tư của những người tiến hành hoặc tham gia tố tụng; bảo đảm quyền bình đẳng trước tòa; nâng cao quyền tranh tụng của LS... Ngoài ra, nó còn góp phần thúc đẩy quá trình cải cách tư pháp theo hướng dân chủ hóa, bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa.

3.1.2. Kiến nghị hoàn thiện các quy định về quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo

+ Bổ sung quyền được nhận quyết định tạm giữ của người bị tạm giữ để họ biết lý do mình bị tạm giữ và do đó thuận tiện trong việc thực hiện các quyền khác của mình.

+ Theo quy định tại Điều 48 BLTTHS thì người bị tạm giữ có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa cho mình nhưng BLTTHS hiện hành lại chưa quy định việc cơ quan ra quyết định tạm giữ thông báo việc tạm giữ. Vì vậy, chúng tôi đề nghị bổ sung thêm quy định: Trong hạn 12 giờ kể từ khi bị tạm giữ cơ quan ra quyết định tạm giữ phải thông báo cho gia đình người bị tạm giữ, chính quyền xã,

phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi người bị tạm giữ cư trú hoặc làm việc. Trường hợp người bị tạm giữ yêu cầu mời NBC thì cơ quan ra quyết định tạm giữ phải thông báo cho NBC (nếu họ mời đích danh) hoặc đoàn LS để giúp người bị tạm giữ mời NBC.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định Điều 48 về quyền của người bị tạm giữ như sau: Được biết lý do mình bị tạm giữ; quyền im lặng, không khai báo; tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa; quyền có người bào chữa bên cạnh khi người THPT lấy lời khai; quyền được gặp gỡ riêng, bí mật, không hạn chế về số lần và thời gian với LS bào chữa, thu thập chứng cứ, đặt câu hỏi, tranh luận với những người cung cấp chứng cứ chống lại mình. Khiếu nại về việc tạm giữ, quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền THPT; Gặp hoặc trao đổi trực tiếp qua điện thoại với người thân, hoặc với NBC để được tư vấn pháp luật khi không muốn gặp trực tiếp; Quyền tư vấn pháp luật.

+ Về sự lựa chọn và thay đổi NBC:

• Cần phải sửa đổi, bổ sung đoạn 2 khoản 2 Điều 57 BLTTHS 2003 như sau: *“trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng phải làm rõ lý do từ chối trước khi quyết định. Những trường hợp được quy định tại điểm a khoản 2 điều này bị can, bị cáo vẫn có quyền yêu cầu thay đổi hoặc từ chối người bào chữa. Còn đối với những trường hợp được quy định tại điểm b khoản 2 điều này thì bị can, bị cáo và người đại diện hợp pháp của họ vẫn có quyền yêu cầu thay đổi NBC và nếu họ từ chối người bào chữa thì tùy từng trường hợp Cơ quan tiến hành tố tụng sẽ quyết định”*.

• Liên quan đến quyền lựa chọn NBC, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung quy định về quyền lựa chọn NBC theo hướng phân định rõ quyền lựa chọn NBC trong trường hợp bị can tự thuê với trường hợp NBC do cơ quan THPT chỉ định.

Với trường hợp NBC do người bị tạm giữ, bị can, bị cáo thuê: quyền lựa chọn NBC cần được quy định theo hướng phân định rõ ràng giữa quyền lựa chọn NBC của bị can là người đã thành niên với bị can là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất.

Với trường hợp người bị tạm giữ, bị can, bị cáo là người đã thành niên, họ có quyền lựa chọn và thay đổi NBC cho mình. Trong trường hợp họ không thể trực tiếp mời (thuê) NBC thì người đại diện hợp pháp có thể mời NBC với sự đồng ý của họ.

Đối với trường hợp người bị tạm giữ, bị can, bị cáo là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất thì người đại diện hợp pháp của họ cũng có quyền lựa chọn NBC. Nếu có sự không thống nhất về việc lựa chọn NBC giữa người bị tạm giữ, bị can, bị cáo và người đại diện hợp pháp của họ thì quyền quyết định cuối cùng sẽ do người bị tạm giữ, bị can, bị cáo quyết định.

+ Sửa đổi, bổ sung nội dung liên quan đến quyền từ chối NBC. Sự có mặt của NBC trong trường hợp này là thực sự cần thiết không chỉ đối với người bị tạm giữ, bị can mà còn đảm bảo tính tranh tụng trong quá trình chứng minh tội phạm. Người chưa thành niên, người có khiếm khuyết về tâm thần hoặc thể chất là đối tượng đặc biệt, hạn chế về nhận thức nên cần thiết phải có NBC trong quá trình TTHS. Do đó, nên xây dựng một điều luật về quyền từ chối NBC theo hướng người bị tạm giữ, bị can, bị cáo có quyền từ chối quyền có NBC.

+ Cần mở rộng phạm vi khoản 2 Điều 57 BLTTHS về đối tượng được chỉ định NBC, nên bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 57 BLTTHS theo hướng quy định thêm

các trường hợp được bào chữa chỉ định, bao gồm những tội theo khung hình phạt có mức cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình. Người nghèo, người thuộc đồng bào dân tộc thiểu số cũng cần có NBC chỉ định vì trình độ văn hóa và hiểu biết pháp luật của họ hầu hết còn rất hạn chế vì điều kiện kinh tế khó khăn trong khi đó, sự hạn chế nhận thức về pháp luật lại là một nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội của họ. Vì vậy, chỉ định LS bào chữa cho họ vừa bảo vệ được người dân yếu thế, vừa góp phần tuyên truyền chính sách pháp luật khi họ làm việc, hợp tác với LS.

+ Đồng thời bổ sung khoản 1 Điều 158 BLTTHS về “*Quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo và những người tham gia tố tụng đối với kết luận giám định*” theo đó, người bị tình nghi trong vụ án được thông báo về nội dung kết luận giám định; được trình bày ý kiến của mình về kết luận giám định; yêu cầu giám định bổ sung hoặc giám định lại; quy định thêm khoản 3 tại Điều 58 BLTTHS như sau: “*Người yêu cầu giám định, giám định bổ sung hoặc giám định lại có nghĩa vụ trả chi phí hợp lý cho việc giám định, trường hợp bắt buộc giám định thì Nhà nước chịu chi phí*”.

3.1.3. Kiến nghị hoàn thiện quy định về quyền, nghĩa vụ của NBC

+ Thứ nhất là nên bổ sung vào điểm a khoản 2 Điều 58 BLTTHS quy định “*Đối với những NBC tham gia theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 57 Bộ luật này thì có quyền có mặt trong tất cả các buổi hỏi cung bị can, bị cáo*”. Theo người viết thì sự tham gia của NBC trong các buổi hỏi cung những bị can, bị cáo này là rất cần thiết và hợp lý.

+ Sửa đổi bổ sung điểm g khoản 2 Điều 58 BLTTHS về Quyền và nghĩa vụ của người bào chữa như sau: “*g) Đọc, ghi chép và sao chụp những tài liệu trong hồ sơ vụ án liên quan đến việc bào chữa kể từ khi một người bị tạm giữ theo quy định của pháp luật*”.

+ NBC được quyền thông báo việc trưng cầu và kết quả giám định (thương tật, thiệt hại tài sản, vật chứng, tài chính - kế toán...), được mời tham gia việc khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra (trong các VAHS giết người, cố ý gây thương tích), được thông báo thành phần và kết quả giám định pháp y...

+ NBC cần được phép tiến hành lấy lời khai và đảm bảo các thủ tục chứng thực việc lấy lời khai là hợp pháp đối với các đối tượng liên quan vụ án, có quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để trả lời các yêu cầu của LS nhằm làm sáng tỏ bản chất vụ án. LS cũng có quyền cung cấp các chứng cứ cho CQĐT và được lập biên bản ghi nhận về việc cung cấp các chứng cứ.

3.1.4. Kiến nghị sửa đổi bổ sung quy định về những căn cứ và thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn áp dụng biện pháp ngăn chặn

- Theo quy định của BLTTHS năm 2003, khi có một trong các căn cứ sau đây sẽ được áp dụng biện pháp ngăn chặn: 1) Để kịp thời ngăn chặn tội phạm; 2) Khi có căn cứ cho rằng bị can, bị cáo tiếp tục phạm tội; 3) Khi có căn cứ chứng tỏ bị can, bị cáo sẽ gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử; 4) Để bảo đảm thi hành án. Như vậy, căn cứ áp dụng các biện pháp ngăn chặn là những tài liệu, chứng cứ mang tính dự báo về khả năng bị can, bị cáo thực hiện các hành vi cản trở điều tra, truy tố, xét xử, tiếp tục phạm tội hoặc cản trở thi hành án. Khi áp dụng biện pháp ngăn chặn phải dựa vào một trong những căn cứ nêu trên chứ không phải bất kỳ trường hợp nào bị can, bị cáo cũng đều bị áp dụng biện pháp ngăn chặn.

- Ngoài các trường hợp phạm tội quả tang và người có lệnh truy nã mà bất kỳ ai cũng có quyền bắt (quy định tại Điều 82 BLTTHS năm 2003) thì những biện pháp ngăn chặn khác phải do những người có trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng mới có thẩm quyền áp dụng. BLTTHS năm 2003 hiện vẫn quy định thẩm quyền bắt người chủ yếu thuộc về Cơ quan điều tra. Cụ thể, các Điều 80, 81 BLTTHS năm 2003 quy định người có thẩm quyền của Cơ quan điều tra có quyền ra Quyết định bắt người trong trường hợp khẩn cấp mà không cần có sự phê chuẩn của Viện kiểm sát; có thẩm quyền ra quyết định bắt bị can, bị cáo để tạm giam. Thực tế cho thấy lệnh bắt người chủ yếu do Cơ quan điều tra ban hành, số lệnh bắt người do Tòa án, Viện kiểm sát ban hành chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng số các lệnh bắt người hằng năm của cơ quan tiến hành tố tụng. Đây là điều bất hợp lý của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và là yếu tố tác động tiêu cực đến quyền bảo vệ con người trong tố tụng hình sự.

3.1.5. Kiến nghị bỏ biện pháp bắt người trong trường hợp khẩn cấp

Thực tiễn áp dụng biện pháp ngăn chặn cho thấy biện pháp bắt người trong trường hợp khẩn cấp (bắt khẩn cấp) được cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng nhiều hơn việc bắt bị can, bị cáo để tạm giam (bắt bình thường). Lý do thủ tục bắt khẩn cấp không cần có sự phê chuẩn của Viện kiểm sát đối với lệnh bắt của Cơ quan điều tra. Thực tiễn này dẫn tới nhiều khả năng vi phạm quyền con người của các cơ quan tiến hành tố tụng, nhất là của cơ quan điều tra. Điều 20 Hiến pháp năm 2013 quy định: “2. Không ai bị bắt nếu không có quyết định của TAND, quyết định hoặc phê chuẩn của VKSND, trừ trường hợp phạm tội quả tang”. Khi sửa đổi BLTTHS cần nghiên cứu bỏ quy định bắt người trong trường hợp khẩn cấp.

3.1.6. Kiến nghị sửa đổi, bổ sung BLTTHS theo hướng rút ngắn thời hạn tạm giam

Quy định của BLTTHS năm 2013 về thời hạn tạm giam ở mức tối đa trong giai đoạn điều tra tương ứng với từng loại tội là: Tội ít nghiêm trọng: 03 tháng; Tội nghiêm trọng: 06 tháng; Tội rất nghiêm trọng: 09 tháng; Tội đặc biệt nghiêm trọng: 16 tháng. Ngoài ra, đối với tội xâm phạm an ninh quốc gia còn có được gia hạn thêm một lần không quy định 04 tháng, nên thời hạn tạm giam với người bị cáo buộc phạm tội này có thể lên đến 20 tháng.

Trong trường hợp vụ án bị trả để điều tra bổ sung thì ngoài thời hạn nêu trên, thời hạn tạm giam còn được quy định thêm tối đa là 04 tháng đối với việc trả hồ sơ điều tra bổ sung do Viện kiểm sát quyết định, và 02 tháng trong trường hợp Toàn án trả hồ sơ điều tra bổ sung. Nếu vụ án bị điều tra lại thì thời hạn tạm giam bằng thời gian điều tra ban đầu, trong khi đó BLTTHS lại không quy định số lần bị trả hồ sơ để điều tra lại là bao nhiêu.

3.1.7. Kiến nghị cần nâng cao trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam

Để đảm bảo thực hiện tốt quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự, đồng thời với việc bổ sung, hoàn thiện các quy định về quyền, nghĩa vụ của họ, cần hoàn thiện: (1) Các quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và các quy định khác về mặt tổ chức nhằm bảo đảm để các quy định đó được thực hiện nghiêm túc trên thực tế. (2) Các chế tài tố tụng và kỷ luật áp dụng trong trường hợp các quy định về quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo bị vi phạm.

3.1.8. Kiến nghị sớm ban hành Luật tạm giữ, tạm giam

Qua thực tiễn áp dụng Quy chế về tạm giữ, tạm giam trong công tác quản lý giam, giữ đã bộc lộ nhiều tồn tại, hạn chế và khó khăn, vướng mắc. Vì vậy, việc xây dựng, ban hành Luật tạm giữ, tạm giam trong thời điểm hiện nay là cần thiết và nhằm tháo gỡ những khó khăn, hạn chế, bất cập, bảo đảm hiệu quả công tác quản lý giam, giữ phục vụ có hiệu quả cho công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án, đồng thời nhằm bảo đảm tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, người bị tạm giam, phù hợp với quy định của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong tình hình hiện nay.

3.2. Kiến nghị về tăng cường hiệu quả thực hiện pháp luật

- Tuyên truyền pháp luật nhằm nâng cao hiểu biết của người dân. Đồng thời nâng cao vị trí, vai trò của LS trong hoạt động tư pháp.

- Phát triển trợ giúp viên pháp lý: Mặc dù công tác đào tạo đội ngũ LS đã đáp ứng phần nào nhu cầu của người dân về hỗ trợ pháp lý, tuy nhiên vẫn còn nhiều hạn chế, đặc biệt ở những tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa, việc đồng bào dân tộc thiểu số và người nghèo mời LS tham gia tố tụng là rất khó. Vì vậy, phát triển đội ngũ trợ giúp viên pháp lý ở các địa phương sẽ là giải pháp hiệu quả nhằm tăng cường hoạt động bào chữa.

- Nâng cao năng lực và nhận thức của cơ quan THTT, người THTT: Nghị quyết Hội nghị Trung ương III Khoá VIII của Ban Chấp hành trung ương Đảng nêu rõ: “*Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp trong sạch, vững mạnh, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt và có năng lực chuyên môn. Lập quy hoạch tuyển chọn, đào tạo, sử dụng cán bộ tư pháp theo từng loại chức danh với tiêu chuẩn cụ thể*”.

- Cần nâng cao nhận thức về quyền con người, nói cách khác là tăng cường giáo dục quyền con người cho những người THTT là các ĐTV, KSV và Thẩm phán.

- Thường xuyên kiểm sát các trình tự, thủ tục tố tụng, các căn cứ pháp luật trong hồ sơ bị tạm giữ, tạm giam để phát hiện vi phạm, thiếu sót, thông qua đó kịp thời ban hành các văn bản kiến nghị yêu cầu cơ quan THTT, trại giam và các nhà tạm giữ rút kinh nghiệm, khắc phục kịp thời.

- Tăng cường kiểm sát việc bắt, tạm giữ, tạm giam đối với từng trường hợp cụ thể. Trước khi phê chuẩn lệnh bắt, tạm giữ, tạm giam, Viện trưởng VKS phải giao cho KSV nghiên cứu hồ sơ, xem xét nghiên cứu và đề xuất đối chiếu với pháp luật, Viện trưởng VKS quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn.

- Do sự hiểu biết pháp luật của người dân chưa cao, đặc biệt là những người ở vùng sâu, vùng xa nên khi vi phạm pháp luật, ít người nắm rõ được các quyền của mình. Chính lúc này, ĐTV phải là người đầu tiên hướng dẫn, phổ biến cho họ. Khi người bị tạm giữ, tạm giam biết được quyền của mình thì họ sẽ tự tin yêu cầu LS cho mình. Vì vậy, trách nhiệm, lương tâm của ĐTV là rất quan trọng, hình thành nên nguyên tắc ứng xử trong tố tụng; trong quá trình giải quyết vụ án ĐTV phải trung thực và khách quan.

- Công tác đào tạo con người là then chốt nhất vì chính những con người mà chúng ta đào tạo ra mới có thể quyết định đến chất lượng công việc. Để làm được việc này, Nhà nước cần có sự đột phá về chế độ lương, thưởng, phụ cấp kèm theo đó là trách nhiệm của cán bộ và tổ chức công tác hậu kiểm chặt chẽ.

KẾT LUẬN

Bảo đảm quyền con người nói chung, quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo nói riêng trong TTTHS là vấn đề rộng và chưa được nghiên cứu nhiều trong khoa học tổ tụng hình sự nước ta. Đây là một vấn đề khó nhưng rất quan trọng cả về lý luận và thực tiễn, nghiên cứu đề tài luận văn thạc sĩ luật học: “*Bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong tổ tụng hình sự Việt Nam (trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk)*” đã đạt được một số kết quả khiêm tốn sau đây: 1/ Góp phần làm rõ thêm nhiều vấn đề lý luận về quyền con người và bảo đảm quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong tổ tụng hình sự; làm rõ những điểm chung và những đòi hỏi đặc thù trong bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong các giai đoạn tổ tụng khác nhau; 2/ Phân tích có hệ thống các quy định của BLTTTHS và đánh giá đầy đủ, toàn diện thực tiễn bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong TTTHS Việt Nam, từ đó tìm ra được nguyên nhân, hạn chế về bảo đảm quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong TTTHS; 3/ Đưa ra một số giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật TTTHS Việt Nam và tăng cường bảo đảm quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong hoạt động TTTHS.

Thực tiễn cho thấy, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo là những người tham gia tố tụng có vị trí trung tâm trong quá trình giải quyết vụ án. Họ là người bị cơ quan tiến hành tố tụng coi là người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội được BLHS quy định là tội phạm. Trong những năm qua, hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm được thực hiện nhìn chung có hiệu quả, các quy định của BLTTTHS được các cơ quan THTT và người THTT chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất, quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo cơ bản được thực hiện.

Tuy nhiên, từ góc độ bảo đảm quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo; Trong thời gian qua hoạt động tố tụng hình sự của các cơ quan THTT và người THTT của cả nước nói chung và tại tỉnh Đắk Lắk nói riêng còn những hạn chế như: tình trạng bắt, tạm giữ, tạm giam trái pháp luật, truy cứu THHS và xét xử oan, sai vẫn còn xảy ra tương đối nhiều, các quy định của BLTTTHS còn bị vi phạm nghiêm trọng... Nguyên nhân của những hạn chế đó là do: các bất cập của BLTTTHS, ý thức, trình độ, năng lực của người THTT, chế độ trách nhiệm đối với người THTT chưa rõ ràng. Việc phân tích thực trạng pháp luật, nghiên cứu thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử một số vụ án xảy ra trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk để tìm ra những bất cập và nguyên nhân nhằm hoàn thiện pháp luật TTTHS.

Từ kết quả của việc nghiên cứu trên, học viên đề xuất một số giải pháp, kiến nghị nhằm góp phần nâng cao hơn nữa hiệu quả của việc bảo đảm quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo. Những giải pháp mà tác giả đưa ra là hoàn thiện các quy định của pháp luật về đảm bảo quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo như bổ sung một số quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo; Bổ sung một số nguyên tắc tố tụng, hoàn thiện quy định về quyền và nghĩa vụ của NBC, về các nghĩa vụ của người THTT, về trình tự tiến hành các hoạt động điều tra, quy định về một số biện pháp ngăn chặn.

Bên cạnh đó, việc tăng cường giáo dục đạo đức, ý thức pháp luật, ý thức về quyền con người, nâng cao trình độ của các chủ thể tham gia vào quá trình giải quyết

VAHS, về tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường hiệu quả giám sát hoạt động tư pháp từ phía các cơ quan THTT. Ngoài ra, theo học viên cần tăng cường hơn nữa tính tranh tụng trong TTTHS, tạo thế cân bằng trong quy định về quyền và nghĩa vụ cũng như đảm bảo thực hiện của bên thực hiện chức năng buộc tội và bên bào chữa là một trong những giải pháp hữu hiệu để nâng cao hơn nữa hiệu quả bảo đảm quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo phù hợp với xu thế chung của toàn nhân loại và đáp ứng các yêu cầu đặt ra theo tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02-6-2005 của Bộ Chính trị.

Tóm lại, là cán bộ công tác ngành Tòa án, ý thức được tầm quan trọng và việc bảo đảm xét xử đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, cũng như vị trí trọng tâm của Tòa án trong chiến lược cải cách tư pháp và bảo vệ pháp chế, trật tự pháp luật, trên cơ sở nghiên cứu, học viên cho rằng việc đề cao, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người nói chung và quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo là tư tưởng lớn của Hiến pháp năm 2013. Cùng với tiến trình đi lên của đất nước, BLTTHS mới sẽ góp phần quan trọng vào thành công của công cuộc cải cách tư pháp, xây dựng nền tư pháp vì con người, vì nhân dân.